

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70 /2021/ HNGĐ - ST

Ngày 29 - 9 - 2021

"Về việc ly hôn,
tranh chấp về nuôi con."

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Khắc Tuyn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Xuân Sớm.

2. Ông Nguyễn Văn Giới.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Thanh Tùng – Cán bộ
Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh
tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H T.

Địa chỉ cư trú: Khu Q, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H.

Địa chỉ cư trú: Khu Q, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (anh H có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào tháng 7 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại khu Q, phường H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến tháng 12 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Do có mâu thuẫn nên chị và anh H đã sống ly thân

mỗi người một nơi từ tháng 01 năm 2020, trong thời gian sống ly thân hai người đã cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm, gia đình hai bên cũng động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị thấy tình cảm dành cho anh H không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Giữa chị và anh Nguyễn Văn H có một con chung tên là Nguyễn Hoàng B Q, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2015, hiện nay đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị T nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con. Tại đơn khởi kiện chị T đề nghị anh H phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 5.000.000 đồng, nhưng sau đó chị T thay đổi yêu cầu, không đề nghị anh H phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo về các phiên họp, phiên hòa giải theo quy định, nhưng đều vắng mặt. Khi liên hệ qua điện thoại thì anh H cho biết hiện nay đang đi làm xa nhà, anh đã biết việc chị T có đơn xin ly hôn nhưng do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nên anh không thể về Tòa án để giải quyết được. Về quan hệ hôn nhân, về con chung giữa anh và chị Tg đúng như nội dung chị T đã trình bày. Anh H có quan điểm đồng ý ly hôn chị T vì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về trách nhiệm cấp dưỡng cho con, về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn đề nghị (gửi qua thiết bị thông tin điện tử) anh H vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

* *Khi xác minh tại nơi cư trú, bà Nguyễn Thị O (mẹ của anh H) cung cấp thông tin như sau:* Chị Nguyễn Thị H T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn hai người về cư trú tại khu Q, phường H, thị xã Đ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thì bà không nắm rõ. Mâu thuẫn dẫn đến chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, còn anh H bận đi làm, ít khi có mặt ở nhà. Những giấy tờ Tòa án gửi về, bà đều giao hoặc thông báo ngay cho anh H biết. Quá trình chung sống, anh H và chị T có một con chung tên là Nguyễn Hoàng B Q; về tài sản chung, nợ chung của anh H và chị T bà không nắm rõ. Khi bà O thông tin, trao đổi với anh H về việc chị T có đơn xin ly hôn, bà biết anh H cũng có quan điểm đồng ý ly hôn chị T và đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, bà O mong muốn vợ chồng chị T và anh H hòa giải để trở về đoàn tụ, trường hợp không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

* *Khi tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:*

Chị Nguyễn Thị H T kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào tháng 7 năm 2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại khu Qu, phường H, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể địa phương không rõ, chỉ biết chị T và anh H đã sống ly thân từ khoảng vài tháng nay. Chị T đi nơi khác sinh sống còn H

vẫn sinh sống tại địa phương nhưng đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Chị T và anh H có một con chung hiện nay đang ở cùng chị T, về tài sản chung và nợ chung của hai người địa phương không nắm rõ.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid -19 nên chưa thực hiện được đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Nguyễn Thị H T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H; giao con chung chưa thành niên cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Thủ tục thụ lý, thẩm quyền giải quyết đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H T và việc tiến hành các thủ tục tố tụng khác, Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H T và anh Nguyễn Văn H tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Thời gian chung sống sau khi kết hôn, giữa chị T và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, đã có thông báo về việc mở phiên họp, phiên hòa giải để chị T và anh H có điều kiện gặp gỡ, thỏa thuận với nhau về những vấn đề có tranh chấp. Anh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp, phiên hòa giải nhưng do ảnh hưởng bởi dịch bệnh nên không có mặt. Qua trao đổi thông tin trực tuyến tại phiên tòa thì anh H cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và có quan điểm đồng ý ly hôn chị T.

Trên cơ sở kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân và nội dung trình bày của các đương sự, có thể xác định: Chị Nguyễn Thị H T và anh Nguyễn Văn H không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh H theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H T và anh Nguyễn Văn H có một con chung tên là Nguyễn Hoàng B Q, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2015; khi vợ chồng ly

thân, cháu Q vẫn ở cùng chị T, được chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển bình thường, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và anh H cũng đồng ý. Do đó, cần giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chưa thành niên, nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc lợi ích của con chưa thành niên không được đảm bảo thì căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị H T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Hoàng B Q, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2015 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị H T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000649 ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị H T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS thị xã Đông Triều;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Khắc Tuyn